BÀI 9 : CÔNG THỨC HÓA HỌC

Nội dung	Hướng dẫn
I. CÔNG THỨC HÓA HỌC Dùng để biểu diễn chất, gồm 1 kí hiệu hóa học (đơn chất) hay hai ba ...kí hiệu (hợp chất) và chỉ số ở chân mỗi kí hiệu. **II. CÔNG THỨC HÓA HỌC CỦA ĐƠN CHẤT: A_n** Ví dụ:K, Na, S, H_2, O_2,Cl_2...	+ HS đọc tham khảo SGK trang 32. + HS nêu một số ví dụ các đơn chất thường gặp.
II. CÔNG THỨC HÓA HỌC CỦA HỢP CHẤT: A_xB_y, $A_xB_yC_z$ Trong đó: + A,B,C :là kí hiệu hóa học của các nguyên tố + x,y,z là chỉ số ở chân cho biết số nguyên tử của từng nguyên tố Ví dụ: NaCl, H_2O, $CaCO_3$....	+ HS đọc tham khảo SGK trang 32 + HS nêu một số ví dụ các hợp chất thường gặp.
V. Ý NGHĨA CỦA CTHH Mỗi CTHH là một phân tử của chất, trừ đơn chất kim loại và mốt số phi kim. Cho biết: - Nguyên tố nào tạo nên chất. - Số nguyên tử của mỗi nguyên tố có trong 1 phân tử - Phân tử khối (PTK) **Ví dụ 1**: Nêu ý nghĩa của CTHH của nước H_2O - Được tạo nên từ nguyên tố H, O - Có 2H, 1O trong phân tử H_2O - PTK H_2O =2.1+16=18 đvC **Ví dụ 2**: BT 2 Tr.33 a. Khí Chlorine Cl_2 - Được tạo nên từ nguyên tố Cl - Có 2Cl trong phân tử Cl_2 - PTK Cl_2= 35,5.2= 71đvC b. Khí Metan CH_4 - Được tạo nên từ nguyên tố C, H - Có 1C, 4H trong phân tử CH_4 - PTK CH_4= 12+4.1= 16đvC c. Zinc Chloride $ZnCl_2$ - Được tạo nên từ nguyên tố Zn, Cl - Có 1Zn, 2Cl trong phân tử $ZnCl_2$ - PTK $ZnCl_2$ =65+ 35,5.2= 136đvC d. Acid Sufuric H_2SO_4 - Được tạo nên từ nguyên tố H, S và O	**Phân tử khối (PTK)**: Là khối lượng của phân tử tính bằng đơn vị Carbon, bằng tổng nguyên tử khối của các nguyên tử trong phân tử. Ví dụ: PTK O_2= 16.2=32 đvC PTK H_2O= 2.1+16 = 18đvC PTK $CaCO_3$=40+12+16.3 =100 đvC + HS đọc tham khảo các ví dụ SGK trang 33 + HS làm BT2 trang 33 + HS làm BT3,4 trang 34

- Có 1H, 1S, 4O trong phân tử H_2SO_4 - PTK $H_2SO_{4=}$ 2.1+32+4.16= 98đvC **<u>Ví dụ 3</u>**: Lập CTHH và tính PTK của các chất có thành phần như sau: a. Khí Carbon dioxide: 1C và 2O CTHH: CO_2 PTK CO_2= 12+2.16= 44 đvC b. Calcium oxide: 1Ca và 1O CTHH: CaO PTK CaO= 40+16= 56 đvC c. Sodium Carbonate: 2Na, 1C và 3O CTHH: Na_2CO_3 PTK Na_2CO_3= 23.2+12+3.16= 106đvC d. Aluminium oxide: 2Al và 3O CTHH: Al_2O_3 PTK Al_2O_3= 2.27+3.16= 102đvC	